TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
1	Mai Đinh Ngọc	Anh	18125007	24/10/2000	8.00	x	
2	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	19123006	12/03/2001	8.00	x	
3	Trần Thị Huỳnh	Anh	19155006	22/02/2001	6.60	x	
4	Trần Trung	Anh	18128007	27/05/2000	6.10	x	
5	Nguyễn Thị Thúy	Ái	18125001	12/08/2000	8.00	x	
6	Hà Lê Ngọc	Ánh	19123010	12/08/2001	7.40	x	
7	Đỗ Văn	Bằng	18120016		8.00	x	
8	Hứa Gia	Bảo	18125020	13/11/2000	5.40	x	
9	Lê Đình	Bảo	19118008	22/10/2001	7.60	x	
10	Đặngphước	Bảo	17113007	31/08/1999	7.00	x	
11	Nguyễn Phan Hoài	Bảo	18111009		5.00	x	
12	Lý Thị	Bé	18154011	20/11/1999	7.60	x	
13	Nguyễn Văn	Bình	19154008	03/11/2001	8.60	x	
14	Quách Đình	Cảm	16137005	09/09/1998	8.30	x	
15	Lại Tấn	Cảnh	18111015		5.00	x	
16	Nguyễn Thành	Công	18112027		7.60	x	
17	Nguyễn Đỗ Kim	Cúc	19124037	18/12/2001	5.00	x	
18	Trần Lê Minh	Châu	18111017		5.00	x	
19	Huỳnh Diễm	Chi	19122013	23/09/2001	7.60	x	
20	Trượng Thị Mỹ	Chi	16122400	15/09/1998	6.50	x	
21	Trần Minh	Chiến	18153007	17/05/2000	5.60	x	
22	Đinh Thuy	Danh	19126021	27/01/2001	8.60	x	
23	Nguyễn Ngọc	Danh	19154021	21/01/2001	7.60	x	
24	Huỳnh	Di	19145015	23/11/2001	6.00	x	
25	Phan Thị Thanh	Diễm	19112028	08/02/2001	10.00	x	
26	Trần Thị Mỹ	Diểm	17112315	20/07/1999	7.60	x	
27	Nguyễn Thành	Diện	20153069	21/01/2002	5.00	x	
28	Đặng Thị Mỹ	Diệu	18139029	30/04/2000	6.00	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
29	Lê Triệu	Dương	18111029		6.10	x	
30	Đặng Thị Trúc	Dương	19111022	26/08/2001	6.00	x	
31	Võ Thị Thùy	Dương	19122032	07/07/2001	7.50	x	
32	Nguyễn Thị Phi	Dung	19123018	29/06/2001	7.50	x	
33	Trần Thị	Dung	17112029	08/02/1999	7.60	x	
34	Trần Thị Phương	Dung	19115022	28/01/2001	6.60	x	
35	Trần Thị Thùy	Dung	19124058	24/01/2001	5.00	x	
36	Lê Công Tiến	Duy	19153012	31/08/2001	8.00	x	
37	Đoàn Văn	Duy	16153017	12/01/1998	8.00	x	
38	Phan Thanh	Duy	19115025	10/05/2001	5.60	x	
39	Lê Thị	Duyên	18116017		7.50	x	
40	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	19122037	14/04/2001	6.00	x	
41	Võ Minh Mỹ	Duyên	18112049		8.60	x	
42	Trần Thanh	Giang	17118031	28/03/1999	7.10	x	
43	Dương Trần Ngọc	Hân	19149022	25/11/2001	5.00	x	
44	Phạm Ngọc	Hân	18112055		7.00	x	
45	Trần Thị Ngọc	Hân	20124040	02/02/2002	7.30	x	
46	Nguyễn Nguyên	Hạnh	18122059		7.60	x	
47	Lương Thị	Hà	18126257	10/01/1999	7.50	x	
48	Cáp Xuân	Hải	18149018	20/12/2000	3.00		
49	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19124091	14/10/2001	7.10	x	
50	Phạm Thị	Hiền	19138019	06/11/2001	8.00	x	
51	Vũ Thái	Hiền	18139055	03/03/2000	5.00	x	
52	Hồ Như Trọng	Hiếu	18115039		3.30		
53	Long Văn	Hiếu	16112549	22/12/1998	5.00	x	
54	Sầm Minh	Hiếu	18126048	10/07/2000	3.00		
55	Vũ Minh	Hiếu	17125094	21/08/1999	6.40	x	
56	Lê Thị Ngọc	Hoa	18149026	05/08/2000	4.00		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
57	Nguyễn Thị	Hoa	19115036	22/05/2001	5.60	x	
58	Trương Thị Diễm	Hồng	16112562	15/10/1998	8.50	x	
59	Bùi Thị Thu	Hoài	19123041	19/10/2001	8.50	x	
60	Nguyễn Thị	Hoài	19112070	27/05/1998	7.00	x	
61	Tống An	Hoài	18118044		8.00	x	
62	Phạm Dương Bảo	Hoàn	18111041		6.90	x	
63	Võ Hoàng Nguyên	Hưng	19115045	01/04/2001	5.60	x	
64	Nguyễn Ngọc	Hòa	18116027		8.30	x	
65	Hoàng Thị Thu	Hương	18112072		5.00	x	
66	Trần Thị Việt	Hương	18112078		2.50		
67	Võ Sông	Hương	18111047		5.50	x	
68	Phạm Hửu	Huân	19115039	01/02/2001	6.50	x	
69	Bế Thị Tú	Huệ	18112069		8.80	x	
70	Vi Thị	Huệ	19123043	23/04/2001	6.50	x	
71	Hoàng Phi	Hùng	19138025	01/07/2001	5.00	x	
72	Huỳnhnhật	Huy	18120081		7.50	x	
73	Nguyễn Hoàng	Huy	17145034	01/08/1999	8.00	x	
74	Nguyễn Quang	Huy	18114030		5.50	x	
75	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	19111052	28/02/2001	5.00	x	
76	Lai Thị Thu	Huyền	17164023	22/04/1998	3.80		
77	Nguyễn Thị Thu	Huyền	19126070	02/06/2001	7.10	x	
78	Phạm Hoàng Anh	Huyền	17111058	21/04/1999	9.10	x	
79	Võ Thị Thúy	Huỳnh	19145032	23/06/2001	8.60	x	
80	Trần Anh	Kiệt	19153036	09/06/2001	5.60	x	
81	Trần Hoàng Tuấn	Kiệt	18112093		9.00	x	
82	Lê Nguyễn Mộng	Kiều	19123051	05/07/2001	7.60	x	
83	Nguyễn Kim Thanh	Kiều	18126071	30/09/2000	7.60	x	
84	Phùng Thị Thúy	Kiều	19120093	26/04/2001	5.50	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
85	Quách Văn	Kiên	17126056	12/09/1999	6.50	x	
86	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	18122100		8.50	x	
87	Lê Sỹ	Kin	19113075	03/07/2001	7.00	x	
88	Đinh Nhĩ	Khang	18154051	07/08/2000	7.10	x	
89	Phạm Hoài	Khang	18128071	08/07/2000	8.50	x	
90	Võ Thành	Khang	18126066	13/02/2000	6.60	x	
91	Trần Tuấn	Khanh	19115053	04/01/2001	5.00	x	
92	Nguyễn Quốc	Khánh	16163112	06/12/1998	9.00	x	
93	Trần Quang	Khải	18131019	31/10/2000	5.60	x	
94	Đặng Trung Anh	Khoa	19126075	04/03/2001	6.80	x	
95	Nguyễn Đăng	Khoa	18121005		6.90	x	
96	Trần Việt	Khoa	18153036	22/01/1999	3.60		
97	Trương Tấn	Khoa	18122089		7.60	x	
98	Tạ Lê	Khôi	19128066	11/05/2001	7.50	x	
99	Nguyễn Thị Ngọc	Khuyên	19128069	14/09/2001	5.00	x	
100	Mai Thị	Lan	18121006		7.80	x	
101	Đỗ Thị	Lê	19122101	27/02/2001	5.60	x	
102	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	20122356	16/12/2002	9.00	x	
103	Châu Nhã	Linh	19125153	15/10/2001	7.90	x	
104	Hà Thị Mỹ	Linh	17120077	27/02/1999	7.60	x	
105	Lê Văn Thùy	Linh	19120100	22/02/2001	1.60		
106	Ngô Thị Phương	Linh	19125157	09/12/2001	6.80	x	
107	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17120081	10/10/1997	2.60		
108	Nguyễn Ngọc	Linh	19124138	24/02/2001	8.00	x	
109	Nguyễn Tấn	Linh	16163036	16/09/1998	8.00	x	
110	Nguyễn Thị	Linh	19149042	20/10/1998	9.00	x	
111	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	19126086	21/12/2001	8.00	x	
112	Tôn Kiều Nhật	Linh	19120105	18/05/2001	8.50	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
113	Trần Thị Thùy	Linh	19122117	13/09/2001	8.50	x	
114	Trần Văn	Linh	16112602	08/02/1998	5.60	x	
115	Nguyễn Đại	Lộ	16118086	14/06/1997	8.30	x	
116	Châu Kim	Loan	19122118	03/12/2001	7.90	x	
117	Hoàng Mai	Loan	19124144	14/03/2001	10.00	x	
118	Huỳnh Quốc	Long	18118071		3.80		
119	Đặngthăng	Long	18128088	20/12/2000	8.50	x	
120	Nguyễn Kim	Long	18128090	26/11/2000	7.50	x	
121	Nguyễn Thành	Long	18118075		8.60	x	
122	Trần Thị	Lương	19115064	23/03/2001	3.10		
123	Nguyễn Phúc	Lợi	16112430	01/02/1998	7.50	x	
124	Võ Hiếu	Luận	18111066		5.60	x	
125	Nguyễn Thị Lưu	Luyến	20125506	06/06/2002	8.80	x	
126	Dương Túy	Mẩn	18125191	06/07/2000	6.60	x	
127	Bùi Thị Tuyết	Mai	20125510	20/01/2002	9.50	x	
128	Lê Thị Xuân	Mai	19155050	19/03/2001	3.80		
129	Nguyễn Thị Xuân	Mai	17112110	28/06/1999	5.00	x	
130	Nguyễn Xuân	Mai	18111071		8.50	x	
131	Văn Thị Thúy	Mai	18120124		5.00	x	
132	Phạm Đăng	Mạnh	16124242	10/04/1993	6.50	x	
133	Cao Hồng	Muội	19126101	19/01/1999	8.50	x	
134	Cao Huyền	My	19117043	28/03/2001	6.60	x	
135	Diệp Huỳnh Ngọc	My	19145050	06/08/2001	2.00		
136	Nguyễn Trúc	My	19120118	08/02/2001	5.00	x	
137	Phan Nguyễn Hoàng	My	18128103	16/11/2000	6.90	x	
138	Võ Thị Trầm	My	18139101	21/05/2000	6.60	x	
139	Nguyễn Đặng Lệ	Mỹ	19127024	12/01/2001	3.00		
140	Trần Quang	Đạt	18138013	20/01/2000	3.80		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
141	Bùi Hoàng	Nam	19128098	11/05/2001	8.50	x	
142	Hà Văn	Nam	19126103	06/12/2001	9.50	x	
143	Đỗ Hoài	Nam	18113197		7.10	x	
144	Nguyễn Duy	Nam	19121013	16/02/2001	7.00	x	
145	Nguyễn Trần Nhật	Nam	18112120		7.50	x	
146	Nguyễn Văn	Nam	16112312	28/12/1998	9.10	x	
147	Trần Hải	Nam	19128100	20/05/2001	7.60	x	
148	Lê Anh	Đài	19126020	08/05/2001	9.00	x	
149	Quảng Thị Anh	Đào	18126254	25/05/1999	6.60	x	
150	Trương Phú	Đông	19115021	09/03/2001	5.00	x	
151	Nguyễn Thị	Nương	19115084	12/10/2001	3.00		
152	Trần Thị Mỹ	Nương	18120170		6.90	x	
153	Nguyễn Hoài	Đức	19154027	14/07/2001	6.50	x	
154	Đặng Kim Hải	Ngân	19128102	15/03/2001	8.00	x	
155	Ngô Ngọc	Ngân	18112122		6.50	x	
156	Phan Thị Thúy	Ngân	18122387		3.00		
157	Trần Hoàng Kim	Ngân	18124092	23/04/2000	6.80	x	
158	Võ Ngọc Thảo	Ngân	19121014	01/02/2001	5.00	x	
159	Lê Hữu	Nghĩa	19122154	11/08/2001	8.60	x	
160	Nguyễn Trọng	Nghĩa	18113100		8.60	x	
161	Đặng Văn	Ngoan	18154078	19/03/2000	8.00	x	
162	Nguyễn Kiều	Ngoan	18139113	02/02/2000	7.10	x	
163	Bùi Kim	Ngọc	19125212	03/07/2001	9.30	x	
164	Bùi Thị Minh	Ngọc	18112132		4.10		
165	Lê Thị Bích	Ngọc	19115076	13/07/2001	2.60		
166	Đỗ Thị Bích	Ngọc	19126114	01/06/2001	7.60	x	
167	Nguyễn Trần Liên	Ngọc	19122351	30/03/2001	7.50	x	
168	Bùi Hoàng	Nguyễn	19126116	15/02/2001	7.10	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
169	Trần Minh	Nguyệt	19149058	26/10/2001	7.80	x	
170	Trần Thị	Nguyệt	19125228	30/04/2000	9.50	x	
171	Lê Thị	Nguyên	18121009		7.80	x	
172	Đặng Thị Thùy	Nguyên	18112133		5.00	x	
173	Nguyễn Thị	Nhất	19122165	27/12/2001	7.10	x	
174	Nguyễn Minh	Nhật	18128124	27/11/2000	6.00	x	
175	Lê Bá Ái	Nhân	19123085	21/05/2001	8.00	x	
176	Lữ Hữu	Nhân	19124191	02/10/2001	8.50	x	
177	Nguyễn Trung	Nhân	14163185	02/03/1996	5.00	x	
178	Lê Thị Ngọc	Nhi	18116053		8.00	x	
179	Nguyễn Thị Băng	Nhi	18155063	05/11/2000	6.10	x	
180	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	19163027	10/08/2000	3.00		
181	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19125245	26/09/2001	6.50	x	
182	Trần Thị Yến	Nhi	19125250	26/06/2001	5.60	x	
183	Châu Ngọc Huỳnh	Như	19126125	21/06/2001	8.00	x	
184	Lê Thị Huỳnh	Như	19125257	01/08/2001	7.60	x	
185	Lê Thị Quỳnh	Như	19163028	22/03/2001	7.00	x	
186	Nguyễn Huỳnh	Như	19122178	01/08/2001	6.50	x	
187	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18126123	02/06/2000	6.10	x	
188	Phạm Thị Quỳnh	Như	19122183	20/09/2001	7.90	x	
189	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19125268	18/06/2001	7.60	x	
190	Thái Xuân Tuyết	Nhung	18115071		6.10	x	
191	Thi Thị	Nhung	16112650	07/03/1998	7.50	x	
192	Tôn Nữ Kiều	Oanh	18125261	17/10/2000	8.30	x	
193	Trần Thị Kim	Oanh	19125274	16/08/2001	2.10		
194	Sa Xi	Pha	17164027	26/12/1998	5.00	x	
195	Lê Công	Phát	19115086	22/06/2001	7.30	x	
196	Nguyễn Tấn	Phát	15131101	19/06/1996	6.60	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
197	Trần Tấn	Phát	17628010	15/05/1992	8.00	x	
198	Ngô Thị Cẩm	Phin	19126132	29/04/2000	7.60	x	
199	Huỳnh Thị Ngọc	Phương	19123111	15/11/2001	6.50	x	
200	Lê Thị Thu	Phương	19115093	30/07/2001	9.00	x	
201	Nguyễn Ngọc Lan	Phương	19124220	20/10/2001	5.60	x	
202	Nguyễn Thị Thu	Phương	18125275	02/02/2000	8.00	x	
203	Trần Lê Thu	Phương	19123113	29/10/2001	8.50	x	
204	Trương Nguyễn Anh	Phương	19128141	07/11/2001	5.00	x	
205	Lê Xuân	Phước	18120181		7.50	x	
206	Phạm Thị Kim	Phước	19125282	21/04/2001	6.50	x	
207	Lê Huỳnh Linh	Phụng	19149072	23/02/2001	7.10	x	
208	Đoàn Ngọc Thanh	Phúc	17128103	15/11/1999	8.50	x	
209	Trương Diễm	Phúc	19123110	05/12/2001	9.00	x	
210	Võ Thành Ngọc	Phúc	19126134	25/04/2001	5.50	x	
211	Đỗ Trung	Quân	18116066		5.00	x	
212	Trần Minh	Quân	15131111	11/02/1997	5.50	x	
213	Trần Minh	Quân	17112165	30/06/1999	7.50	x	
214	Trần Minh	Quang	17111119	06/11/1999	6.00	x	
215	Phan Hữu	Quí	18137037	12/06/2000	7.90	x	
216	Trần Văn	Quốc	17112169	06/03/1999	3.80		
217	Lê Thảo Nhật	Quyền	19139138	15/02/2001	10.00	x	
218	Phạmtrọng	Quyền	18123105	02/11/2000	10.00	x	
219	Lê Huỳnh Minh	Quyên	18126137	02/10/2000	7.10	x	
220	Đặng Nguyễn Tố	Quyên	19122211	27/02/2001	8.00	x	
221	Đỗ Phạm Tố	Quyên	19163033	14/06/2001	5.00	x	
222	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	19125293	15/08/2001	7.60	x	
223	Trần Thị Kim	Quyên	19111097	09/02/2001	5.00	x	
224	Nguyễn Như	Quỳnh	18125294	04/06/2000	5.50	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
225	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	18123106	19/09/2000	5.60	x	
226	Phạm Diễm	Quỳnh	19123120	24/09/2001	5.00	x	
227	Nguyễn Văn	Rồng	18120196		9.00	x	
228	Nguyễn Công Sông	Siêu	17145069	15/08/1999	8.50	x	
229	Nguyễn Ngọc	Sơn	17113274	10/08/1998	7.00	x	
230	Phạm Trương Hồng	Sơn	17154081	01/01/1999	6.00	x	
231	Trần Hồng	Sơn	15115140	12/05/1997	7.00	x	
232	Noeun	Sreynut	20132066	10/02/1998	4.10		
233	Huỳnh Tấn	Tâm	18131056	09/08/2000	7.60	x	
234	Huỳnh Trần Ngọc	Tâm	19123125	22/09/2001	7.50	x	
235	Lê Minh	Tâm	19126154	24/10/1994	9.00	x	
236	Tăng Khắc Tín	Tâm	19115104	18/10/2002	2.80		
237	Dương Minh	Tân	19124243	17/04/2000	5.00	x	
238	Lê Anh	Tài	18112179		5.00	x	
239	Nguyễn Tấn	Tài	15114141	15/04/1997	9.10	x	
240	Trương Tấn	Tài	19124241	07/01/2001	8.00	x	
241	Võ Thành	Tài	15155058	13/06/1997	9.00	x	
242	Hồ Ngọc Như	Tiền	19145095	27/08/2001	6.10	x	
243	Lê Thị Thủy	Tiên	19122271	06/02/2001	8.50	x	
244	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	19124282	25/04/2001	6.00	x	
245	Nguyễn Thuỷ	Tiên	18125365	06/07/2000	6.00	x	
246	Phan Thị Cẩm	Tiên	18122291		4.00		
247	Lê Hữu	Tín	19122275	08/07/2000	6.10	x	
248	Nguyễn Hữu	Tín	18154124	09/10/2000	5.00	x	
249	Nguyễn Thị Minh	Tổng	18122299		8.50	x	
250	Vũ Hồng	Tươi	19125426	23/03/2001	8.00	x	
251	Nguyễn Anh	Tuấn	18118172		5.50	x	
252	Nguyễn Thanh	Tùng	19112215	17/01/2001	2.00		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
253	Lê Cẩm	Tú	19122296	11/09/2001	8.00	x	
254	Đinh Nguyễn Gia	Tú	19128198	04/07/2001	6.50	x	
255	Đỗ Thị Cẩm	Tú	19122294	12/12/2001	7.10	x	
256	Nguyễn Thị Thanh	Tú	12125555	26/01/1993	7.10	x	
257	Trần Thị Cẩm	Tú	18149104	04/05/2000	7.00	x	
258	Lâm Thị Bích	Tuyền	19149102	12/07/2001	5.00	x	
259	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18125402	18/08/2000	6.90	x	
260	Bùi Thị	Tuyến	19125431	06/12/2001	6.10	x	
261	Trần Thị	Thận	19128154	05/08/2001	9.50	x	
262	Huỳnh Thị	Thắm	19149078	10/10/2001	6.60	x	
263	Đỗ Lý Việt	Thắng	17138048	23/02/1999	7.50	x	
264	Lê Thế	Thanh	18125310	12/11/1999	5.00	x	
265	Ngô Thị Thanh	Thanh	16112448	11/09/1998	8.00	x	
266	Nguyễn Quốc	Thái	18111112		6.10	x	
267	Huỳnh Thu	Thảo	18125321	23/01/2000	8.00	x	
268	Lê Ngọc	Thảo	15131120	13/03/1997	9.30	x	
269	Lê Phương	Thảo	19125328	11/12/2001	8.60	x	
270	Lê Thị Phương	Thảo	18113150		6.50	x	
271	Đặng Thanh	Thảo	18120211		7.40	x	
272	Đoàn Thị Ngọc	Thảo	18120214		6.10	x	
273	Nguyễn Diệp	Thảo	19128158	15/05/2001	5.50	x	
274	Nguyễn Thị Thu	Thảo	18120216		5.00	x	
275	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	19123131	11/12/2001	10.00	x	
276	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	19122233	17/03/2001	9.10	x	
277	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19125336	20/10/2001	8.30	x	
278	Thạch Thị	Thảo	18126271	15/01/1999	8.50	x	
279	Trần Phương	Thảo	19122239	08/06/2001	7.50	x	
280	Lê Thị	Thêm	17628017	20/02/1984	6.00	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
281	Ka Lê	Thi	16131298	15/03/1997	3.10		
282	Đặng Đoàn Minh	Thi	18118138		8.50	x	
283	Nguyễn Thị Minh	Thi	18120220		0.00		
284	Nguyễn Nhựt	Thiện	19112173	24/11/2001	8.80	x	
285	Vương Văn	Thiện	19115115	19/11/2001	5.60	x	
286	Nguyễn Thị	Thiết	19122244	01/09/2001	6.10	x	
287	Trần Thuận	Thiên	19128238	18/08/2001	3.60		
288	Lê Thị Thanh	Thư	16116295		7.30	x	
289	Đặng Tường Anh	Thư	18120224		8.50	x	
290	Nguyễn Thị Anh	Thư	19124271	05/04/2001	6.10	x	
291	Nguyễn Thị Anh	Thư	19122254	04/10/2001	9.50	x	
292	Nguyễn Thị Anh	Thư	19145087	24/04/2001	4.00		
293	Nguyễn Thị Hoàng Minh	Thư	16125015	05/03/1998	5.50	x	
294	Phạm Thị Minh	Thư	18120229		5.00	x	
295	Phan Thị Anh	Thư	19111115	09/11/2001	5.50	x	
296	Tạ Vũ Minh	Thư	19124274	13/10/2001	5.00	x	
297	Thái Anh	Thư	18122281		7.00	x	
298	Trần Thị Minh	Thư	19122256	19/07/2001	7.60	x	
299	Nguyễn Minh	Thông	19112176	05/03/2001	9.00	x	
300	Hồ Lệ Thương	Thương	19122259	05/03/2001	10.00	x	
301	Nguyễn Thị	Thơm	20113151	25/08/2002	6.00	x	
302	Đỗ Thành	Thu	18118148		3.60		
303	Nguyễn Duy	Thuận	19115123	02/06/2001	6.10	x	
304	Hồ Thị Ngọc	Thùy	19128173	22/12/2001	8.50	x	
305	Nguyễn Bích	Thùy	18139191	15/10/2000	7.60	x	
306	Lê Thị Thạch	Thủy	19125374	22/07/2001	7.60	x	
307	Lê Trúc	Thủy	18125361	30/12/2000	8.40	x	
308	Đồng Nguyễn Hoàng	Trâm	19128179	02/01/2001	9.50	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
309	Phan Thu	Trâm	19163046	22/02/2001	5.00	x	
310	Bùi Ngọc	Trân	19115130	02/02/2001	7.50	x	
311	Lâm Ngọc Bảo	Trân	18123150	28/06/2000	8.00	x	
312	Nguyễn Lê Huyền	Trân	19124296	25/09/2001	10.00	x	
313	Nguyễn Thị Hoài	Trân	18120257		7.50	x	
314	Nguyễn Thị Hồng	Trang	19122283	24/03/2001	7.60	x	
315	Trầm Thị Huyền	Trang	18126273	02/04/1999	5.00	x	
316	Nguyễn Thị	Trà	18120250		7.50	x	
317	Hàng Minh	Trí	19126200	19/05/2001	5.50	x	
318	Nguyễn Minh	Trí	18153077	29/09/2000	2.60		
319	Lê Thị	Triển	17628035	08/02/1987	6.60	x	
320	Phan Thị Tú	Trinh	18125391	04/06/1999	2.50		
321	Tạ Thị Anh	Trinh	19120229	15/07/2001	6.40	x	
322	Tô Trung	Trực	18153078	24/02/2000	8.00	x	
323	Đỗ Phi	Trường	17122193	14/05/1999	8.50	x	
324	Nguyễn Xuân	Trường	18118169		8.00	x	
325	Đặng Công	Trứ	16112373	04/03/1998	8.50	x	
326	Nguyễn Thị	Trung	17112367	30/12/1998	8.30	x	
327	Trần Tuệ	Trung	18128197	22/11/2000	7.00	x	
328	Lê Thị Xuân	Trúc	19139190	24/12/2001	7.60	x	
329	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19120232	17/04/2001	7.60	x	
330	Văn Thanh	Trúc	17125335	21/01/1999	10.00	x	
331	Hồ Thị Thu	Uyên	19125437	18/04/2001	7.00	x	
332	Hồ Trần Phương	Uyên	19125438	07/02/2001	7.60	x	
333	Nguyễn Thị Kim	Uyên	19145103	29/06/2001	8.50	x	
334	Bùi Thị Ánh	Vân	19111142	21/09/2001	5.50	x	
335	Hoàng Thanh	Vân	18125408	17/08/2000	8.50	x	
336	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	18112246		6.50	x	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 04 năm 2022

Môn thi: ACCB

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	ĐIỂM	Đạt	Ghi chú
337	Nguyễn Thị Khánh	Vân	19124321	23/12/2001	6.40	x	
338	Phan Thị Thúy	Vân	18112248		8.50	x	
339	Lê Đình	Văn	19115142	26/02/2001	4.00		
340	Trương Đình	Văn	18115116		3.80		
341	Trần Thị Thúy	Vi	18125416	01/02/2000	7.50	x	
342	Nguyễn Hữu	Vinh	17149201	14/10/1999	2.80		
343	Lương Khánh	Vũ	19126232	29/01/2001	7.60	x	
344	Huỳnh Thị Thảo	Vy	18128214	02/07/2000	4.00		
345	Nguyễn Trúc	Vy	17163086	02/01/1999	8.80	x	
346	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	19126234	31/08/2001	8.50	x	
347	Nguyễn Thị	Vy	19120261	22/09/2001	8.00	x	
348	Phạm Tường	Vy	19125457	21/10/2001	5.50	x	
349	Phạmyến	Vy	18121018		6.10	x	
350	Trần Nguyễn Thảo	Vy	19111148	26/04/2001	6.00	x	
351	Nguyễn Thị Kim	Xuân	19112236	13/02/2001	6.00	x	
352	Hồng Mỹ	Xuyên	19126239	14/06/2001	10.00	x	
353	Huỳnh Hiển Bảo	Yến	18123183	02/01/2000	7.00	x	
354	Nguyễn Huỳnh Phi	Yến	19112290	24/05/2001	6.30	x	
355	Phan Hoàng	Yến	18125443	20/11/2000	7.60	x	
356	Phan Nguyễn Phi	Yến	18123186	07/04/2000	5.60	x	
357	Phan Nguyễn Tiểu	Yến	18125444	07/04/2000	8.80	x	
358	Võ Thị Hải	Yến	19125474	15/07/2001	6.10	x	
359	Phạm Thị Như	Y	19128226	12/12/2001	7.60	x	

TRUNG TÂM TIN HỌC